

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/DS - ST
Ngày 26- 9-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Thị Hiệp;

Bà Chu Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 02/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 về Tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-TA ngày 19 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Quang K, sinh năm 1990, cư trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020090002***, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Hoàng Quang K đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị L, sinh năm 1956, cư trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn (Hợp đồng uỷ quyền ngày 20/3/2025 tại trụ sở UBND xã H nay là UBND xã L, tỉnh Lạng Sơn); căn cước công dân số 020156000***, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/4/2021; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1974, cư trú tại: Số 36 đường P, N16, phường K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020174008***, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Phạm Thị T – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Hồng Đức PT, đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn – người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Công C, Chủ tịch UBND xã L; vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1966, cư trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 020066001***, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/4/2021; có mặt.

3. Cháu Hoàng Tuấn A, sinh năm 1997; vắng mặt.

4. Cháu Hoàng Anh T1 sinh năm 2009 – Người đại diện theo pháp luật của cháu Hoàng Anh T1 là bị đơn bà Hoàng Thị H (mẹ đẻ); vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Số 36 đường P, N16, phường K, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N; cùng cư trú tại: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn T2, vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn Đ, vắng mặt.

3. Ông Hoàng Văn H1, vắng mặt.

4. Bà Vi Thị X, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Vương Thị T3; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2025 của nguyên đơn anh Hoàng Quang K, cùng những lời khai tiếp theo và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị L trình bày:

Nguyên đơn anh Hoàng Quang K và bị đơn bà Hoàng Thị H có tranh chấp quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L), địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn.

Đất tranh chấp có nguồn gốc là của bố đẻ anh Hoàng Quang K là ông Hoàng Văn N1 (chết năm 2003) được thừa hưởng từ bố mẹ đẻ là cụ Hoàng Văn L (chết năm 1981) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966). Cụ thể: Khoảng năm 1991, ông Hoàng Văn N1 và anh trai là ông Hoàng Văn Đ2 tự thoả thuận, thống nhất phân chia đất đai, ruộng vườn của bố mẹ là các cụ Hoàng Văn L (chết năm 1981) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966) để lại, có địa chỉ tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn). Việc thoả thuận chia ruộng đất chỉ nói miệng, không lập văn bản gì. Đối với những tài sản được thoả thuận, phân chia này thì ông Hoàng Văn Đ2 tự đi kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn ông Hoàng Văn N1 không đi kê khai mà để con trai cả là Hoàng Văn V

kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì Hoàng Văn V là chủ hộ. Trong đó ông Hoàng Văn N1 được chia đất tại xứ đồng P, chính là diện tích 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L). Năm 1994, ông Hoàng Văn N1 viết giấy phân chia ruộng đất ngày 12/01/1994 để lại ruộng đất cho anh Hoàng Văn K (Hoàng Quang K), trong đó có ruộng N 2 đám 3,5 sào (chính là ruộng tại xứ đồng P diện tích khoảng 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L), huyện L, tỉnh Lạng Sơn). Anh Hoàng Quang K và bà Nông Thị L khẳng định địa danh xứ đồng P (tranh chấp hiện nay) và ruộng N chỉ là một diện tích đất nhưng có các địa danh khác nhau.

Về quá trình quản lý, sử dụng đất: Từ năm 1991 đến năm 2022, gia đình anh Hoàng Quang K và bà Nông Thị L trực tiếp sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L), địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Hằng năm, bà Nông Thị L đều trồng ngô, trồng lúa trên khu đất này. Còn gia đình ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D (bồ mẹ chồng của bị đơn bà Hoàng Thị H) là công nhân mỏ than N, sống và làm việc ở thị trấn N (nay là xã N), các con trai, con dâu là ông Hoàng Văn M1 và bà Lương Thị K1, ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H cũng đi thoát ly (công tác trong cơ quan nhà nước, nhà máy than, nhiệt điện) nên chỉ làm ruộng vườn trong khoảng thời gian 03 (ba) năm từ năm 1991-1993. Sau đó thì cả gia đình ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D không canh tác, sử dụng đất nữa nhưng năm 2023 thì gia đình bà Hoàng Thị H lại tranh ruộng P với gia đình bà Nông Thị L, anh Hoàng Quang K.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Quang K và người đại diện theo uỷ quyền bà Nông Thị L nhất trí với kết quả đo đạc, chồng ghép bản đồ, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 12/8/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn, xác định đất tranh chấp có diện tích 1.006m², thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88, địa danh, địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp có các phía tiếp giáp với đất của ông Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn T2, ông Trần Văn Đ3, ông Hoàng Văn H1, đất bà Lâm Thị X1, đất bà Lương Thị K1. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, trên đất tranh chấp có các cây lúa do bị đơn bà Hoàng Thị H trồng nhưng là cây trồng theo mùa vụ nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Kết quả chồng ghép bản đồ địa chính với bản đồ giải thửa lập năm 1988 thể hiện thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010 có hình thể đồng dạng, vị trí tương ứng với thửa đất số 116 diện tích 910m² tờ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988.

Nay, nguyên đơn anh Hoàng Quang K yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L), địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; về tài sản trên đất tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ là các cây lúa theo mùa vụ do bà Hoàng Thị H trồng thì đề nghị không xem xét giải quyết; đề nghị giải quyết chi phí tố tụng và án phí theo quy định.

Tại những lời khai trong hồ sơ, bị đơn bà Hoàng Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K và trình bày như sau:

Cụ Hoàng Văn L (chết năm 1982) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966) là vợ chồng, có các con chung là: Ông Hoàng Văn Đ4 (hy sinh năm 1954), bà Hoàng Thị Đ5 (đã chết), ông Hoàng Văn Đ2 (chết năm 1998), ông Hoàng Văn N1 (chết năm 2003), bà Hoàng Thị H2 (còn có tên khác là Hoàng Thị K2, địa chỉ: không rõ), bà Hoàng Thị C1 (đã chết năm 2024), bà Hoàng Thị H3 (địa chỉ: không rõ). Ngoài ra, các cụ Hoàng Văn L và Chu Thị M không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Ông Hoàng Văn Đ2 (chết năm 1998) và bà L Thị D (chết năm 2019), là vợ chồng có 02 con chung là ông Hoàng Văn Q (chết năm 2023) và Hoàng Văn M1 (chết năm 2021). Bà Hoàng Thị H và ông Hoàng Văn Q (chết năm 2023) là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã N, tỉnh Lạng Sơn), có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Tuấn A và cháu Hoàng Anh T1. Ngoài ra, ông Hoàng Văn Q không có con đẻ, con nuôi nào khác. Ông Hoàng Văn N1 (chết năm 2003) có vợ thứ nhất là bà Lộc Thị H4 (chết năm 1983) có 01 (một) con chung là Hoàng Văn V (sinh năm 1966); vợ thứ hai là bà Nông Thị L (sinh năm 1956) và có 01 (một) con chung là Hoàng Quang K (sinh năm 1990).

Hiện nay, nguyên đơn anh Hoàng Quang K và bị đơn bà Hoàng Thị H có tranh chấp quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L), địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất là các cây lúa do bà Hoàng Thị H trồng. Thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H đo đạc năm 2010 (nay là xã L) chính là thửa đất 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m², đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn Đ2, số vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/4/1995. Sau đó, hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H được thừa kế thửa đất này và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008. Thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H có các thành viên là vợ chồng ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H, các con là Hoàng Tuấn A và Hoàng Anh T1.

Về nguồn gốc đất: Đất tranh chấp nêu trên có nguồn gốc là của vợ chồng các cụ Hoàng Văn L (chết năm 1982) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966), trong thời gian các cụ còn sống thì đất thuộc Hợp tác xã thôn B. Sau tan hợp tác xã thôn B, khoảng năm 1988-1989, ông Hoàng Văn Đ2 và ông Hoàng Văn N2 (N2) lấy lại đất đai của gia đình và tự thỏa thuận phân chia để sử dụng. Theo phong tục thì các con trai được chia đất của bố mẹ, các con gái đi lấy chồng thì không được chia nên các cô, bác gái không được chia đất đai. Khi thỏa thuận phân chia xong thì các ông Hoàng Văn Đ2, Hoàng Văn N1 đưa theo các con trai, cháu trai là Hoàng Văn Q, Hoàng Văn M1 (con ông Hoàng Văn Đ2), Hoàng Văn V (con ông Hoàng Văn N1) cùng nhau đi nhận đất để sử dụng ổn định, không tranh chấp. Ông Hoàng Văn Đ2 tự kê khai và được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

các thửa đất được phân chia, trong đó có thửa đất tranh chấp hiện nay là thửa đất 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) nay là thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88. Ông Hoàng Văn N1 không kê khai đất đai mà để con trai là ông Hoàng Văn V đứng tên kê khai, được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất đã phân chia.

Quá trình quản lý, sử dụng đất:

Từ khoảng năm 1988-1989 đến nay, đất tranh chấp do gia đình bà Hoàng Thị H quản lý, sử dụng. Cụ thể: Từ khoảng năm 1988-1989 đến năm 1996, ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D trực tiếp sử dụng đất, hằng năm vẫn trồng lúa, hoa màu. Năm 1995, ông Hoàng Văn Đ2 kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m² cho ông Hoàng Văn Đ2, sổ vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/4/1995.

Năm 1996, bà Nông Thị L nghỉ chế độ 176 (trước đó làm công nhân lâm trường L) và về chung sống cùng ông Hoàng Văn N1 ở thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Để bà Nông Thị L và con trai là Hoàng Quang K được nhập hộ khẩu, ngày 28/11/1996, ông Hoàng Văn Đ2 viết Giấy chứng nhận việc ông Hoàng Văn N1 và bà Nông Thị L là vợ chồng.

Ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D thấy hoàn cảnh gia đình ông Hoàng Văn N1 và bà Nông Thị L khó khăn vì không có việc làm, không có ruộng vườn nên ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D thương tình, cho bà Nông Thị L mượn đất ruộng P để cấy lúa, thu hoạch thóc gạo ăn. Việc ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D cho bà Nông Thị L mượn đất ruộng chỉ nói miệng, không lập văn bản gì vì là người nhà với nhau nhưng thỉnh thoảng, có năm bà Nông Thị L cũng cho gia đình bà thóc gạo ăn. Thời gian cho bà Nông Thị L mượn đất ruộng P từ khoảng năm 1996-2016. Dù gia đình bà Hoàng Thị H đã cho gia đình bà Nông Thị L sử dụng đất để trồng lúa, trồng màu nhưng hằng năm vẫn về thăm ruộng đất.

Năm 1998, ông Hoàng Văn Đ2 chết. Năm 2008, gia đình bà làm thủ tục thừa kế, được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, sổ vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H thửa đất 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m². Tuy nhiên, năm 2012 khi tiến hành tiến hành đo đạc bản đồ địa chính, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H thì UBND huyện L cấp nhầm cho ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N, trú tại thôn B, xã Tú Đoạn, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. UBND huyện L đã thu hồi GCN cấp cho ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N.

Năm 2016, do không có nhu cầu sử dụng đất ruộng P nữa nên vợ chồng ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thời điểm đó, có người hỏi mua ruộng P với giá 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng). Khi đó, bà Nông Thị L cũng hỏi mua ruộng P này nên bà Hoàng Thị H bàn với ông Hoàng Văn Q là bán cho người nhà là bà Nông Thị L cũng được, thấy bà Nông Thị L khó khăn nên vừa bán vừa cho chỉ lấy 35.000.000 đồng (ba mươi lăm

triệu đồng), bớt 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Ngày 15/4/2016, bà Nông Thị L và ông Hoàng Văn Q có lập Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung ông Hoàng Văn Q chuyển nhượng cho bà Nông Thị L thửa ruộng P với số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) thì bà Hoàng Thị H cũng nhất trí. Nhưng do vướng mắc về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì thửa đất bị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhầm cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N như đã nêu trên nên chưa thể làm thủ tục sang tên cho bà Nông Thị L được. Bên cạnh đó, gia đình bà Hoàng Thị H xảy ra nhiều sự việc, năm 2019 bà L Thị D chết, khoảng năm 2021 ông Hoàng Văn M1 chết, ông Hoàng Văn Q phát hiện ung thư, sức khỏe suy giảm.

Năm 2022, bà Nông Thị L biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà Hoàng Thị H không có thửa đất số 228 tờ bản đồ 88 nên có đơn ra Công an huyện L đòi lại tiền mua đất. Sau đó, ông Hoàng Văn Q đã trả lại đủ số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) cho bà Nông Thị L tại Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi trả lại số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) cho bà Nông Thị L thì gia đình bà Hoàng Thị H đã lấy lại thửa đất ruộng P, không cho bà Nông Thị L mượn sử dụng nữa. Bà Hoàng Thị H trực tiếp canh tác sử dụng đất ruộng P này để trồng lúa, trồng hoa màu (ngô).

Năm 2023, bà Nông Thị L có đơn tranh chấp khu ruộng P với ông Hoàng Văn Q, quá trình giải quyết vụ án thì ông Hoàng Văn Q chết nên vụ án đình chỉ. Năm 2024 và 2025, mẹ con bà Nông Thị L và Hoàng Quang K tiếp tục tranh chấp thửa đất ruộng P, kiện bà Hoàng Thị H ra xã, ra Tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị H nhất trí với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn, xác định đất tranh chấp có diện tích 1006m², thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88, địa danh, địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp có các phía tiếp giáp với đất của ông Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn T2, ông Trần Văn Đ3, ông Hoàng Văn H1, đất bà Lâm Thị X1, đất bà Lương Thị K1. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, trên đất tranh chấp có các cây lúa do bị đơn bà Hoàng Thị H trồng nhưng là cây mùa vụ nên bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Hoàng Thị H nhất trí với kết quả chồng ghép bản đồ, thể hiện: Thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H đo đạc năm 2010 (nay là xã L) chính là thửa đất 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299).

Nay, bị đơn bà Hoàng Thị H không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K về việc được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88, diện tích 1006m², địa danh, địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị L cùng ý kiến, yêu cầu với nguyên đơn anh Hoàng Quang K và trình bày bổ sung như sau:

Ông Hoàng Văn N1 (chết năm 2003) có vợ cả là bà Lộc Thị H4 (chết khoảng năm 1983), có 01 con chung là ông Hoàng Văn V (sinh năm 1966). Bà

Nông Thị L và ông Hoàng Văn N1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Mặc dù, Giấy chứng nhận kết hôn do bà Nông Thị L giao nộp chỉ thể hiện ngày tháng đăng ký là ngày 26 tháng 3, không rõ năm đăng ký kết hôn (bị thủng tại vị trí năm) nhưng bà Nông Thị L khẳng định bà và ông Hoàng Văn N1 đăng ký kết hôn ngày 26/3/1990 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Đ, tỉnh Lạng Sơn). Bà Nông Thị L và ông Hoàng Văn N1 chung sống với nhau từ năm 1990 đến năm 2003 (ông Hoàng Văn N1 chết) tại thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn). Ông Hoàng Văn N1 và bà Nông Thị L có 01 con chung là anh Hoàng Quang K (tên khác là Hoàng Văn K, sinh năm 1990). Ngoài ra, ông Hoàng Văn N1 không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Bà Nông Thị L biết việc phân chia đất đai của ông Hoàng Văn N1 và Hoàng Văn Đ6 vào năm 1991 vì nghe ông Hoàng Văn N1 nói lại. Bà Nông Thị L biết việc ông Hoàng Văn N1 không kê khai mà để con trai cả là ông Hoàng Văn V kê khai, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bà Nông Thị L, việc ông Hoàng Văn V không kê khai thửa đất ruộng P mà để gia đình ông Hoàng Văn Đ2 kê khai là do ông Hoàng Văn V có âm mưu chiếm đoạt đất đai của ông Hoàng Văn N1, không xem anh Hoàng Quang K là con đẻ của ông Hoàng Văn N1.

Bà Nông Thị L khẳng định từ năm 1991 đến năm 1996, bà Nông Thị L mặc dù là công nhân lâm trường L nhưng bà vừa làm việc cho lâm trường vừa canh tác, làm ruộng của ông Hoàng Văn N1, trong đó có ruộng P này. Năm 1996, bà Nông Thị L nghỉ chế độ 176, không còn làm việc ở Lâm trường L nữa. Từ năm 1996 đến năm 2022, bà Nông Thị L trực tiếp canh tác, trồng lúa, hoa màu trên ruộng. Hằng năm, bà Nông Thị L vẫn cho gia đình bà L Thị D 03 (ba) bao thóc chứ không phải không cho gì như ông Hoàng Văn V trình bày tại phiên tòa. Năm 2023, gia đình bà Hoàng Thị H mới tranh chấp, không cho gia đình bà Nông Thị L canh tác.

Về việc mua bán đất ruộng như sau: Năm 2016, bà Nông Thị L nghe nói ông Hoàng Văn Q (con trai ông Hoàng Văn Đ2) muốn bán khu đất ruộng P nên bà Nông Thị L hỏi mua vì sợ người khác mua ruộng này thì sẽ bị mất ruộng. Ngày 15/4/2016, bà Nông Thị L và ông Hoàng Văn Q (con trai ông Hoàng Văn Đ2) có lập Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất với nội dung ông Hoàng Văn Q chuyển nhượng cho bà Nông Thị L thửa ruộng P với số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng). Bà Nông Thị L đã đưa đủ số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) cho ông Hoàng Văn Q nhưng do vướng mắc thủ tục đất đai nên ông Hoàng Văn Q không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Khoảng năm 2022, bà Nông Thị L lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỏi về khu ruộng P thì được biết gia đình Hoàng Văn Q và Hoàng Thị H không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 228 tờ bản đồ 88 xã H. Sau đó, bà Nông Thị L đã làm đơn ra công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn yêu cầu Hoàng Văn Q trả lại tiền cho bà. Theo Biên bản làm việc ngày 29/8/2022 lập tại Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nội dung “tôi (Nông Thị L) yêu cầu ông Hoàng Văn Q trả lại số tiền là 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) vì ông Hoàng Văn Q không chuyển nhượng được đất cho bà L, mà trước đó bà L đã dùng số tiền trên

để mua ruộng với anh Q”. Kết quả làm việc: Ông Hoàng Văn Q đồng ý trả lại số tiền cho bà Nông Thị L là 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng), bà Nông Thị L đã nhận đủ tiền và không có ý kiến, kiến nghị gì nữa.

Sau đó, gia đình Hoàng Văn Q, Hoàng Thị H không cho bà Nông Thị L canh tác đất ruộng P nữa. Vì vậy, từ năm 2023 đến nay, bà Nông Thị L và anh Hoàng Quang K đã yêu cầu UBND xã, Tòa án giải quyết tranh chấp cho gia đình bà Nông Thị L được sử dụng đất ruộng P.

Theo bà Nông Thị L, đất tranh chấp là của ông Hoàng Văn N1 để lại cho con trai là Hoàng Quang K (có giấy phân chia ruộng đất ngày 12/01/1994 của ông Hoàng Văn N1). Thực tế gia đình bà Nông Thị L, Hoàng Quang K mới là người trực tiếp sử dụng đất trong thời gian dài, gia đình bà Hoàng Thị H không được sử dụng đất. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K. Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn V trình bày:

Bố mẹ đẻ của ông là ông Hoàng Văn N1 (chết năm 2003) và bà Lộc Thị H4 (chết năm 1983) có 01 (một) con chung là ông Hoàng Văn V. Năm 1983, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị P và sống cùng ông Hoàng Văn N1 cho đến năm 1985 thì ở riêng. Thời điểm năm 1985, ông Hoàng Văn N1 bán hàng quán ở gần đường, không sống cùng gia đình của ông nữa. Khoảng năm 1995, ông Hoàng Văn N1 có nói là ông muốn đưa mẹ con bà Nông Thị L, Hoàng Quang K về chung sống nhưng ông không nhất trí. Năm 1995, ông kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới đồng ý cho mẹ con bà Nông Thị L về sống cùng ông Hoàng Văn N1. Đến năm 1996, bà Nông Thị L mang theo con trai là Hoàng Quang K về chung sống với ông Hoàng Văn N1 và nói là Hoàng Quang K là con chung của bà Nông Thị L với ông Hoàng Văn N1. Vì ông Hoàng Văn N1 đã thừa nhận Hoàng Quang K là con nên ông Hoàng Văn V cũng không có ý kiến gì về việc này.

Ông Hoàng Văn V biết đất tranh chấp giữa anh Hoàng Quang K và bà Hoàng Thị H có nguồn gốc là của các cụ Hoàng Văn L (chết năm 1982) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966). Sau tan hợp tác xã thôn B thì khoảng năm 1988-1989, ông Hoàng Văn Đ2 và ông Hoàng Văn N2 (N2) lấy lại đất đai của gia đình và tự thỏa thuận phân chia để sử dụng, theo phong tục thì các con trai được chia đất của bố mẹ, các con gái đi lấy chồng thì không được chia nên các cô, bác gái không được chia đất đai. Trong số đất đai ông Hoàng Văn Đ2 được phân chia có thửa đất tranh chấp hiện nay với gia đình anh Hoàng Quang K, bà Nông Thị L là ruộng ở xứ đồng P. Khi phân chia xong thì các ông Hoàng Văn Đ2, Hoàng Văn N1 đưa theo các con trai, cháu trai là Hoàng Văn Q, Hoàng Văn M1 (con ông Hoàng Văn Đ2), Hoàng Văn V (con ông Hoàng Văn N1) đi nhận đất tại thực địa để sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Bản thân ông Hoàng Văn N1 không canh tác, sử dụng đất đã chia nhau với ông Hoàng Văn Đ2 mà bán hàng quán ở trong làng. Một số ít đất đai thì ông Hoàng Văn N1 đã tự bán đi để chi tiêu. Phần lớn đất sau phân chia với ông Hoàng

Văn Đ2 đều do ông Hoàng Văn V trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1988-1989 đến nay, đã kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995.

Gia đình ông vợ chồng ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D (có con trai, con dâu là Hoàng Văn Q và Hoàng Thị H, Hoàng Văn M1 và Lương Thị K1) cũng trực tiếp sử dụng đất từ khoảng năm 1988-1989 đến nay, kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, trong đó có thửa đất ruộng P này.

Việc bà Nông Thị L được sử dụng đất tranh chấp từ năm 1996 đến 2016 là vì năm 1996 bà Nông Thị L mang theo con trai là Hoàng Quang K về sống cùng ông Hoàng Văn N1; do bà Nông Thị L là công nhân lâm trường nghỉ việc theo chế độ 176, không có lương, cuộc sống khó khăn nên các bác Hoàng Văn Đ2 và La Thị D mới cho bà Nông Thị L mượn ruộng P để canh tác, trồng màu, cấy lúa ăn. Việc cho mượn đất này chỉ nói miệng vì là người nhà, nhưng người trong làng ai cũng biết. Ngoài ra, ông Hoàng Văn V cũng nghe nói bà Nông Thị L được cho mượn ruộng nhưng khi thu hoạch cũng không thường xuyên gửi thóc gạo, khoai sắn gì cho gia đình bà L Thị D.

Năm 2005-2006, bà Nông Thị L tranh chấp chia thừa kế với ông Hoàng Văn V cũng không đề cập đến thửa đất ruộng P này là tài sản của ông Hoàng Văn N1. Năm 2016, khi ông Hoàng Văn Q bán đất ruộng P thì bà Nông Thị L đã mua lại ruộng P, có trả tiền đầy đủ. Theo ông Hoàng Văn V, chỉ sau khi bà L Thị D chết năm 2019, ông Hoàng Văn M1 cũng chết năm 2021, ông Hoàng Văn Q bị ung thư và bà Nông Thị L biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H không có thửa đất ruộng P nên mới nảy sinh ý định chiếm đất, tranh chấp đất đai, đòi lại tiền mua đất với ông Hoàng Văn Q.

Ông Hoàng Văn V khẳng định bố ông là ông Hoàng Văn N1 không được chia, không có quyền quản lý, sử dụng thửa 228 tờ bản đồ số 88, diện tích 1006m², địa danh, địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m²). Vì thửa đất này là của gia đình bác Hoàng Văn Đ2 được phân chia từ 1988-1989, nay là của con cháu của ông Hoàng Văn Đ2 sử dụng, cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Hoàng Văn Đ2, ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H.

Đối với, giấy phân chia ruộng đất lập ngày 12/01/1994 mà bà Nông Thị L giao nộp thì ông xác định đây không phải là do bố ông là Hoàng Văn N1 lập vì chữ ký, chữ viết đều không giống. Trước đó, sau khi ông Hoàng Văn N1 chết năm 2003 thì bà Nông Thị L cũng kiện ông Hoàng Văn V đòi chia thừa kế, cũng nộp cho toà giấy tờ thừa kế là giấy tờ do bà Nông Thị L giả mạo, không phải của bố ông là Hoàng Văn N1 lập.

Tại phiên toà, ông Hoàng Văn V đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K, ông cùng ý kiến, yêu cầu với bị đơn bà Hoàng Thị H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Tuấn A và cháu Hoàng Anh T1 cùng ý kiến, yêu cầu với bị đơn bà Hoàng Thị H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N trình bày không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến đất tranh chấp trong vụ án.

Những người làm chứng ông Hoàng Văn Đ, ông Hoàng Văn T2, ông Hoàng Văn H1, bà Vi Thị X, ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Vương Thị T3 đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không cung cấp lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin tại Công văn số: 310/UBND-KT ngày 21/8/2025 như sau: Thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H đo đạc năm 2010 theo bản đồ giải thửa là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 diện tích 910m², loại đất 1 lúa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn Đ2, sổ vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/11/1995; sau đó năm 2008 UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, sổ vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m² vì nhận thừa kế tài sản của ông Hoàng Văn Đ2. Năm 2011, hộ ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N kê khai nhằm vào thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H và được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BN 276400, sổ vào sổ cấp GCN: CH03201 ngày 02/11/2012. Ngày 18/11/2022, UBND huyện L ban hành Thông báo số 737a/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H do không đúng đối tượng sử dụng.

Tại Công văn số: 132/CV-CAX ngày 07/8/2025 của Công an xã L V/v rà soát, thu thập thông tin đăng ký thường trú của bà Nông Thị L cung cấp thông tin như sau: Đối chiếu sổ NK3 (sổ đăng ký hộ khẩu) thôn B, quyền số 01, tại tờ số 21 có thông tin hộ Hoàng Quang K, sinh năm 1990-chủ hộ, bà Nông Thị L, sinh năm 1956 và Hoàng Huy Vũ, sinh năm 2019 là thành viên trong hộ, không thể hiện thời điểm bà Nông Thị L bắt đầu cư trú. Mở hồ sơ hộ khẩu HK-230 có bản khai nhân khẩu năm 2006 trong hộ gồm bà Nông Thị L và Hoàng Quang K, thể hiện từ năm 1983-1995 bà Nông Thị L chuyển về lâm trường L, năm 1995 nghỉ chế độ 176, về theo chồng làm ruộng, năm 1996 làm ruộng đến nay. Kết quả xác minh tại thôn B với người uy tín và trưởng thôn đều cung cấp thông tin bà Nông Thị L đến thôn B, xã L sinh sống từ năm 1996.

Tại Công văn số: 165/UBND ngày 31/7/2025 V/v cung cấp tài liệu, chứng cứ việc đăng ký kết hôn của UBND xã Đ, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin như sau: UBND xã Đ đã tiến hành kiểm tra tàng thư lưu trữ, kết quả các hồ sơ, sổ hộ tịch gốc lưu tại UBND xã Đ gồm sổ đăng ký kết hôn, hồ sơ đăng ký kết hôn của đơn vị không có nội dung thông tin đăng ký kết hôn giữa bà Nông Thị L, sinh năm 1956, quê quán: Thôn Đ, xã Đ với ông Hoàng Văn N1 (N1), quê quán: Thôn B, xã L.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Thị H phát biểu ý kiến tranh luận:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện đất tranh chấp là thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H đo đạc năm 2010 theo bản đồ giải thửa là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 diện tích 910m², loại đất 1 lúa, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn Đ2, sổ vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/11/1995; sau đó năm 2008 UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, sổ vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m² vì nhận thừa kế tài sản của ông Hoàng Văn Đ2. Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất: Gia đình bị đơn bà Hoàng Thị H đã nhận đất từ năm 1988-1989 (ông Hoàng Văn Đ2 phân chia ruộng đất sau Hợp tác xã với ông Hoàng Văn N1) và trực tiếp sử dụng đất, kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc bà Nông Thị L sử dụng đất tranh chấp là do được gia đình bị đơn bà Hoàng Thị H cho mượn đất, mặc dù bà mẹ con bà Nông Thị L không thừa nhận việc mượn đất nhưng đã trình bày việc bà Nông Thị L hằng năm có gửi cho gia đình bị đơn 03 bao thóc, khi gia đình bị đơn muốn chuyển nhượng đất thì bà Nông Thị L là người nhận chuyển nhượng với số tiền 34.000.000 đồng. Hai bên không phát sinh tranh chấp gì cho đến năm 2022 khi bà Nông Thị L biết việc thửa đất này bị cấp nhầm cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N, cho rằng gia đình bị đơn bà Hoàng Thị H không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên mới đòi lại tiền mua đất, tranh chấp đất đai. Như vậy, gia đình bà Nông Thị L, không có căn cứ về nguồn gốc đất, chưa từng kê khai, gián tiếp thừa nhận việc mượn đất, mua lại đất với gia đình bị đơn, thể hiện gia đình nguyên đơn không có quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Căn cứ các quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K được quản lý, sử dụng thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H đo đạc năm 2010. Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 20, Điều 36, Điều 73 và Điều 79 Luật Đất đai năm 1993; các Điều 4, Điều 5, Điều 10, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 105 và Điều 107 Luật Đất đai năm 2003; khoản 16 Điều 3, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 21 Điều 3, các Điều 12, Điều 17, Điều 26, Điều 31, Điều 131, Điều 134 Luật Đất đai năm 2024. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K được quản lý, sử dụng diện tích 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ địa

chính số 88 xã H đo đạc năm 2010, theo bản đồ giải thửa là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 diện tích 910m², đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn Đ2, số vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/11/1995; sau đó UBND huyện L tiếp tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H (theo thủ tục thừa kế tài sản của ông Hoàng Văn Đ2). Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn anh Hoàng Quang K nhưng đã có người đại diện theo uỷ quyền tham gia phiên tòa; vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị H, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Tuấn A, cháu Hoàng Anh T1 nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vắng mặt người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Lạng Sơn và những người làm chứng không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn tại các đơn khởi kiện, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Đất tranh chấp tại P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn.

[3] Ông Hoàng Văn N1 (chết năm 2003) có vợ thứ nhất là bà Lộc Thị H4 (chết năm 1983) có 01 (một) con chung là Hoàng Văn V (sinh năm 1966); vợ thứ hai là bà Nông Thị L và có 01 (một) con chung là Hoàng Quang K (sinh năm 1990). Bà Hoàng Thị H và ông Hoàng Văn Q (chết năm 2023) là vợ chồng, có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Tuấn A, sinh năm 1997 và cháu Hoàng Anh T1 sinh năm 2009.

[4] Về đất tranh chấp: Các đương sự đều nhất trí với kết quả đo đạc (tại trích đo khu đất tranh chấp số 63-2025 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn), kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn, xác định đất tranh chấp có diện tích 1.006m², thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88, địa danh, địa chỉ đất tại: Xứ đồng P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp có các phía tiếp giáp với đất của ông Hoàng Văn V, ông Hoàng Văn T2, ông Trần Văn Đ3, ông Hoàng Văn H1, đất bà Lâm Thị X1, đất bà Lương Thị K1. Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ, trên đất tranh chấp có các cây lúa do bị đơn bà Hoàng Thị H trồng nhưng là cây trồng theo mùa vụ nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kết quả chồng ghép bản đồ địa chính với bản đồ giải thửa lập năm 1988 thể hiện thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010 có hình thể đồng dạng, vị trí tương ứng với thửa

đất số 116 diện tích 910m² từ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988. Tại Công văn số: 310/UBND-KT ngày 21/8/2025 của UBND xã L xác định: Thửa đất số 228 từ bản đồ địa chính số 88 xã H đo đạc năm 2010 theo bản đồ giải thửa là thửa đất số 116 từ bản đồ số 13.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[5.1] Nguyên đơn anh Hoàng Quang K và người đại diện theo uỷ quyền bà Nông Thị L trình bày đất tranh chấp có nguồn gốc là khoảng năm 1991 ông Hoàng Văn N1 (Ngãi) được thừa hưởng từ bố mẹ là các cụ Hoàng Văn L (chết năm 1981) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966) khi cùng ông Hoàng Văn Đ2 thoả thuận phân chia đất đai. Năm 1994, ông Hoàng Văn N1 viết giấy phân chia ruộng đất ngày 12/01/1994 để lại ruộng đất cho anh Hoàng Văn K (Hoàng Quang K), trong đó có ruộng N 2 đám 3,5 sào chính là ruộng tại xứ đồng P diện tích khoảng 1.006m² thuộc thửa đất số 228 từ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn. Ngoài lời trình bày, anh Hoàng Quang K và bà Nông Thị L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh ông Hoàng Văn N1 có quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

[5.2] Bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc là khoảng năm 1988-1989, ông Hoàng Văn Đ2 được thừa hưởng từ bố mẹ là các cụ Hoàng Văn L (chết năm 1981) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966) sau khi cùng ông Hoàng Văn N1 thoả thuận phân chia đất đai. Lời trình bày của bà Hoàng Thị H phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn V, phù hợp với thông tin do UBND xã L cung cấp tại Công văn số: 310/UBND-KT ngày 21/8/2025 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

[5.3] Các đương sự đều trình bày có sự việc ông Hoàng Văn Đ2 và ông Hoàng Văn N1 tự thoả thuận, phân chia tài sản của bố mẹ là các cụ Hoàng Văn L (chết năm 1981) và cụ Chu Thị M (chết năm 1966). Ông Hoàng Văn Đ2 đã tự kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia, trong đó có thửa đất số 116 diện tích 910m² từ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988 nay là thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc từ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/11/1995 của UBND huyện L. Sau khi ông Hoàng Văn Đ2 chết, hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H đã được thừa kế quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 116 diện tích 910m² từ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988 nay là thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc từ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 của UBND huyện L. Ông Hoàng Văn N1 không kê khai mà để con trai là ông Hoàng Văn V kê khai, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia, trong đó không có thửa đất tranh chấp số 228 có diện tích 1.006m² thuộc từ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010. Đồng thời, tại Bản án dân sự phúc thẩm số: 72/2006/DS-PT ngày 25/12/2006 của Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, bà Nông Thị L và anh Hoàng Quang K trình bày: “ông N2 có bán ruộng là để mua trâu.... Yêu cầu cho Hoàng Quang K được thừa kế theo pháp luật đối với hai thửa ruộng

Nà Kéo có diện tích 170m² và thửa N có diện tích 696m²”, không xác định di sản thừa kế của ông Hoàng Văn N1 có thửa đất số 116 diện tích 910m² tờ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988 nay là thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010.

[5.4] Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định ông Hoàng Văn N1 không được chia, không đăng ký kê khai và không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất số 116 diện tích 910m² tờ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988 nay là thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010.

[6] Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp

[6.1] Nguyên đơn anh Hoàng Quang K và người đại diện theo uỷ quyền là bà Nông Thị L trình bày bà Nông Thị L đã sử dụng đất tranh chấp từ năm 1991 đến năm 2022, năm 2023 thì phát sinh tranh chấp. Bị đơn bà Hoàng Thị H trình bày gia đình bà quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ khoảng năm 1988-1989 cho đến năm 2023, trong đó khoảng thời gian từ năm 1988-1989 đến 1996, bố mẹ chồng bà là ông Hoàng Văn Đ2 và bà L Thị D trực tiếp canh tác, sử dụng đất; từ năm 1996-2016 gia đình bị đơn cho bà Nông Thị L mượn đất ruộng này để canh tác; năm 2016 gia đình bị đơn chuyển nhượng đất ruộng này cho bà Nông Thị L với số tiền 34.000.000 đồng, đã thực hiện giao đất, nhận tiền nhưng chưa làm được thủ tục sang tên đổi chủ; năm 2022 bà Nông Thị L đòi lại tiền mua ruộng nên gia đình bị đơn trả lại tiền và lấy lại ruộng đã bán; bị đơn trực tiếp canh tác, sử dụng đất từ năm 2022 đến nay. Năm 2023, gia đình bà Nông Thị L phát sinh tranh chấp đất đai với gia đình bị đơn.

[6.2] Hội đồng xét xử thấy rằng, lời trình bày của nguyên đơn và người đại diện về việc bà Nông Thị L sử dụng đất tranh chấp từ năm 1991 đến năm 2022 là không phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn V, không phù hợp với thông tin, tài liệu do Công an xã L cung cấp thể hiện bà Nông Thị L thực tế sinh sống tại thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn từ năm 1996 sau khi nghỉ việc tại Lâm trường L theo chế độ 176. Lời trình bày của bị đơn bà Hoàng Thị H về việc gia đình bị đơn trực tiếp quản lý, sử dụng đất từ khoảng năm 1988-1989 đến nay là phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn V, với chính lời khai của bà Nông Thị L là vợ chồng ông Hoàng Văn Đ2 chỉ sử dụng đất khoảng mấy năm rồi cả gia đình sống và làm việc ở thị trấn N (nay là xã N) nên không sử dụng nữa, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất hiện nay (từ năm 2022 đến nay bà Hoàng Thị H trực tiếp canh tác, sử dụng đất).

[6.3] Các đương sự đều xác định từ khoảng năm 1996 đến năm 2016 gia đình bà Nông Thị L trực tiếp sử dụng, canh tác đất tranh chấp. Theo bị đơn bà Hoàng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn V việc bà Nông Thị L sử dụng đất trong thời gian này là do được gia đình bị đơn cho mượn đất để canh tác. Mặc dù nguyên đơn anh Hoàng Quang K và người đại diện theo uỷ quyền là bà Nông Thị L không thừa nhận việc mượn ruộng nhưng tại phiên toà bà Nông Thị L trình bày có việc hằng năm trả cho bà L Thị D (mẹ đẻ ông Hoàng Văn Q) 03 bao thóc, đồng thời thừa nhận có việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tranh chấp với ông Hoàng Văn Q vào năm 2016 với số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng)

thể hiện tại Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/4/2016 giữa bà Nông Thị L và ông Hoàng Văn Q. Tại Biên bản làm việc ngày 29/8/2022 lập tại Công an huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bà Nông Thị L đã nhận lại số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi tư triệu đồng) là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Hoàng Văn Q và cam kết không có ý kiến, yêu cầu gì, đồng thời không còn giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Hoàng Văn Q. Như vậy, có căn cứ xác định bà Nông Thị L canh tác, sử dụng đất từ khoảng năm 1996 đến năm 2016 là do được gia đình bị đơn bà Hoàng Thị H cho mượn đất. Việc bà Nông Thị L nhận chuyển nhượng lại chính thửa đất tranh chấp với ông Hoàng Văn Q vào năm 2016 thể hiện bà Nông Thị L thừa nhận gia đình bị đơn ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H có quyền quản lý, sử dụng đất hợp pháp đối với thửa 228 tờ bản đồ 88 xã H.

[7] Từ những phân tích, đánh giá trên thấy rằng có căn cứ xác định ông Hoàng Văn N1 không được phân chia, thừa hưởng quyền sử dụng thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H; ông Hoàng Văn N1 không đăng ký kê khai quyền sử dụng đối với thửa đất này; những tài sản ông Hoàng Văn N1 được hưởng sau phân chia cùng ông Hoàng Văn Đ2 do con trai cả của ông Hoàng Văn N1 là ông Hoàng Văn V đứng tên kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tại thời điểm năm 2005-2006 khi tranh chấp chia thừa kế của ông Hoàng Văn N1, bà Nông Thị L và anh Hoàng Quang K không xác định thửa đất thừa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H là di sản của ông Hoàng Văn N1 và không có yêu cầu chia thừa kế. Đối với Giấy phân chia ruộng đất ngày 12/01/1994 do ông Hoàng Văn N1 viết với nội dung “để lại ruộng đất cho anh Hoàng Văn K (Hoàng Quang K), trong đó có ruộng N 2 đám 3,5 sào” mà nguyên đơn anh Hoàng Quang K và người đại diện theo uỷ quyền là bà Nông Thị L xác định ruộng N 2 đám 3,5 sào chính là ruộng tại xứ đồng P diện tích khoảng 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ số 88 bản đồ địa chính xã H (nay là xã L) là không có căn cứ.

[8] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993), Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Việc xác lập quyền sử dụng đất của Nhà nước cho cá nhân, hộ gia đình qua các thời kỳ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013, Luật đất đai năm 2024 đều căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp. Gia đình bị đơn bà Hoàng Thị H đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ khoảng năm 1988-1989, thực hiện đăng ký kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m² cho ông Hoàng Văn Đ2, số vào sổ 00200 QSDĐ ngày 06/4/1995; sau đó hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn Đ2 và cũng được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 đối với thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m². Việc, hộ ông Hoàng Văn Q và bà Nông Thị N bị cấp nhầm Giấy chứng nhận QSD là sai sót của cơ quan Nhà nước và

UBND huyện L ban hành Thông báo số 737a/TB-UBND ngày 18/11/2022 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H do không đúng đối tượng sử dụng.

[9] Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013, khoản 21 Điều 3 Luật đất đai năm 2024 “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.*” Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H đối với thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) diện tích 910m², kết quả chồng ghép bản đồ cho thấy thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) chính là thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H.

[10] Từ những phân tích, đánh giá trên có đủ cơ sở để xác định ông Hoàng Văn N1 (bố đẻ nguyên đơn anh Hoàng Quang K) không có quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 116 diện tích 910m² tờ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988 nay là thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010. Căn cứ lời trình bày của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H có quyền quản lý, sử dụng đối với thửa đất số 116 diện tích 910m² tờ bản đồ giải thửa số 13 xã H lập năm 1988 nay là thửa đất số 228 có diện tích 1.006m² thuộc tờ bản đồ địa chính số 88 xã H (nay là xã L) lập năm 2010 theo tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 của UBND huyện L, do được nhận thừa kế tài sản của ông Hoàng Văn Đ2. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật nên không được chấp nhận.

[11] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Quang K đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền 13.900.000 đồng (mười ba triệu chín trăm nghìn đồng), bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 1.900.000 đồng, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất và chồng ghép bản đồ là 12.000.000 đồng cho toàn bộ diện tích 1.006m². Do các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng nên căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn là anh Hoàng Quang K phải chịu chi phí tố tụng là 13.900.000 đồng (mười ba triệu chín trăm nghìn đồng) do không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Xác nhận anh Hoàng Quang K đã thi hành xong.

[12] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch để nộp ngân sách Nhà nước theo khoản 1, 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[13] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 20, Điều 36, Điều 73 và Điều 79 Luật Đất đai năm 1993. Căn cứ vào các Điều 4, Điều 5, Điều 10, Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 105 và Điều 107 Luật Đất đai năm 2003. Căn cứ vào khoản 16 Điều 3, Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ vào khoản 21 Điều 3, các Điều 12, Điều 17, Điều 26, Điều 31, Điều 131, Điều 134 Luật Đất đai năm 2024. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hoàng Quang K về việc được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.006m² thuộc thửa đất số 228 tờ bản đồ địa chính số 88 xã H, nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn (trước đây là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 13 (bản đồ giải thửa 299) đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AH 219830, số vào sổ cấp GCN: 00566 ngày 11/3/2008 cho hộ ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị H); mã loại đất theo bản đồ địa chính là BHK; địa chỉ: P, thôn B, xã L, tỉnh Lạng Sơn; diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A11 thể hiện tại Trích đo số 63-2025 do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn cung cấp.

2. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Quang K phải chịu chi phí tố tụng là 13.900.000 đồng (mười ba triệu chín trăm nghìn đồng). Xác nhận nguyên đơn anh Hoàng Quang K đã thi hành xong.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Hoàng Quang K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Hoàng Quang K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000001 ngày 14/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 5- Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người đại diện của đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang